

Vận dụng quy luật kinh tế thị trường vào Quản lý Giáo dục Đại học Việt Nam: Nghiên cứu kinh nghiệm quản lý giáo dục của các trường Đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ

(Applying Market Economy Laws to Vietnam Higher Education Administration: Researching into the Educational Administrative experiences of famous American Universities)

Thạc Sĩ Ngô Văn Nhơn
NCS chuyên ngành Quản lý Giáo dục
Khoa Sư Phạm – Đại học Quốc gia Hà Nội
Add: 173 Hai Bà Trưng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: 08. 8228756 (Office), 08. 8955411 (Home)
Fax: 848. 8228756; E-mail:

Tôi chân thành cảm ơn Khoa Sư phạm ĐHQGHN đã tổ chức Hội thảo Khoa học với chủ đề “Chất lượng giáo dục và vấn đề đào tạo giáo viên” nhân dịp kỷ niệm 5 năm ngày thành lập Khoa Sư phạm để tôi có thể tham gia đóng góp một số ý kiến về giáo dục Việt Nam, trong đó chất lượng Giáo dục Đại học (GDDH) đang là một vấn đề nổi cộm. Bước đột phá để nâng cao chất lượng GDDH chính là phải đổi mới tư duy giáo dục, khởi đầu từ khâu đổi mới quản lý giáo dục. Đây là những vấn đề mà các Thầy/Cô giáo, các trường đại học và cả xã hội chờ đợi từ lâu. Việc nghiên cứu này lẽ ra phải được tiến hành từ những năm đầu 90 sau thời kỳ Đổi mới của Việt Nam (1986). Bộ Giáo dục và Đào tạo đã lỡ nhịp hơn 10 năm so với những gì mà đất nước và xã hội Việt nam mong đợi, lỡ nhịp với thế giới, cách xa giáo dục đại học của thế giới có lẽ không dưới nửa thế kỷ.

Đã có nhiều rất nhiều ý kiến đánh giá, nhiều đề xuất các biện pháp cải cách nhưng vì không dựa trên các tiêu chí chung để đánh giá chất lượng GDDH nên chúng không những không giúp ích cho các cơ quan quản lý giáo dục mà còn tạo ra cho xã hội cách nhìn không chuẩn xác về bức tranh chất lượng GDDH của Việt Nam hiện nay. Chúng tôi hoan nghênh Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng và điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo dùng cho các trường đại học Việt Nam bao gồm 26 tiêu chí thuộc 8 lĩnh vực hoạt động của trường đại học đã được Hội đồng Khoa học Nhà nước nghiệm thu chính thức vào tháng 3/2002. Nhưng để đưa Bộ tiêu chí này vào các Trường của ta hiện nay, dường như đang thiếu vắng một nhà quản lý sản xuất

giỏi, một chuyên trường tinh thông và một ê kíp thợ lành nghề nên chưa thể vận hành bộ máy và hệ thống dây chuyền tốt được.

Chúng tôi đang tập trung nghiên cứu kinh nghiệm quản lý GDDH của Hoa Kỳ, cụ thể là kinh nghiệm từ các trường Đại học, ưu tiên nghiên cứu các trường Đại học danh tiếng, từ đó có thể xây dựng được các luận cứ khoa học để làm rõ 4 vấn đề của GDDH Việt Nam hiện nay:

- I.** Quan niệm chất lượng giáo dục đại học.
- II.** Vai trò của quản lý giáo dục đại học.
- III.** Quản lý nhà nước về chất lượng giáo dục đại học
- IV.** Xu thế hội nhập quốc tế và thương mại hóa giáo dục đại học

Trên cơ sở kết hợp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đưa ra được các giải pháp trước mắt và giải pháp lâu dài để nâng cao chất lượng quản lý GDDH Việt Nam.

Các đề tài nghiên cứu chân rết cơ bản dự kiến bao gồm:

1. Nghiên cứu mô hình quản lý phi tập trung và định hướng thị trường của Giáo dục Đại học Hoa Kỳ và mức độ thích ứng áp dụng vào Giáo dục Đại học tại Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

(Searching for Module of Non-concentrate and Market-oriented of American Higher Education and their potential relevance for Vietnam Higher Education in the context of the present)

2. Đổi mới chất lượng quản lý Giáo dục Đại học Việt Nam thông qua liên kết đào tạo và nghiên cứu với các trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ là giải pháp đột phá để hội nhập giáo dục khu vực và toàn cầu.

(Reforming quality of Vietnam Higher Education Administration through Research and Training Linkages with famous American Universities: A brainstorming solution to integrate the Region and Global Education)

3. Áp dụng các Mô hình Đảm bảo Chất lượng hướng đến Quản lý Chất lượng Toàn diện (ISO 9000, TQM) trong Quản lý Giáo dục Đại học Hoa Kỳ

{(Applying Quality Assurance Model towards reaching Total Quality Management (ISO 9000, TQM) in American Higher Education Administration)}

I. Quan niệm chất lượng giáo dục đại học:

Theo Bộ tiêu chuẩn ISO 9000:2000, chất lượng được định nghĩa như sau:

“Mức độ của một tập hợp các đặc tính vốn có đáp ứng các yêu cầu”

(Degree to which a set of inherent characteristics fulfilled requirements)

Theo điều 11 Bản tuyên bố về giáo dục đại học thế giới của UNESCO (2001),
“Chất lượng giáo dục đại học là một khái niệm nhiều chiều, bao quát tất cả các chức năng và hoạt động của nó... Chất lượng giáo dục đại học cần được đặc trưng ở tầm cỡ quốc tế...”

Theo SEAMEO (Southeast Asian Minister of Education Organization) và EFQM (European Foundation for Quality Management of Higher Education), chất lượng giáo dục đại học như sau:

“Chất lượng là sự phù hợp với mục đích” (Quality as fitness for purpose)

Định nghĩa trên được lãnh đạo giáo dục và các nhà giáo tại các nước Đông Nam Á tán thành áp dụng thông qua hệ thống đảm bảo chất lượng của mỗi nước. Tuy nhiên, sự phù hợp với mục đích lại được hiểu rất khác nhau ở mỗi quốc gia tùy theo đặc điểm văn hóa, hệ thống quản lý và tình hình kinh tế – xã hội.

Chấp nhận định nghĩa trên, chúng tôi sẽ nghiên cứu để lý giải MỤC ĐÍCH của giáo dục đại học Việt nam trong xu thế toàn cầu hóa ở thế kỷ 21 thông qua các khía cạnh dưới đây:

Một là: Đại học là nơi HƯỚNG DẪN sự phát triển của xã hội hay là nơi ĐÁP ỨNG sự phát triển của xã hội?

Nếu đại học là nơi ĐÁP ỨNG sự phát triển của xã hội, giáo dục đại học luôn đi sau, sẽ trở thành trường trung học cấp 4. Nếu đại học là nơi HƯỚNG DẪN sự phát triển của xã hội, giáo dục đại học phải đi trước. Nó phải là một TRUNG TÂM TRÍ TUỆ giúp các nhà lãnh đạo định hướng sự phát triển của xã hội hay kiểm nghiệm những quan điểm trong việc lãnh đạo một đất nước.

Có thể minh họa vai trò HƯỚNG DẪN hay ĐÁP ỨNG của giáo dục đại học thông qua việc đào tạo các nhà quản lý (managers) ở Việt nam. Từ những năm 60 của thế kỷ 20, thế giới chuyển sang nền kinh tế mềm, kinh tế tri thức. Đến hiện nay, năm 2004, chưa mấy trường đại học ở Việt nam đề cập đầy đủ vấn đề này giúp cho đất nước hay đào tạo các nhà quản lý cho thế kỷ 21. Các trường đào tạo về quản lý ở nước ta vẫn dạy các lý thuyết quản lý của thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 (lý thuyết Taylor đây). Về lĩnh vực quản lý, theo tôi, các trường đại học Việt nam thua xa chính các doanh nghiệp Việt nam. Nhiều doanh nghiệp ở Việt nam đang quản lý theo các mô

hình tiên tiến, hiệu quả hơn nhiều so với các mô hình các Trường đang dạy hay đang quản lý nhà trường.

Hai là: Nội lực của đại học nằm ở đâu? Trường đại học có 3 thành phần chính: Ban lãnh đạo, Ban giảng huấn và Sinh viên. Trong 3 thành phần trên, ai chủ động nhất, ai khao khát đi tìm tri thức nhất? Câu trả lời đúng đắn nhất là: SINH VIÊN. Thế kỷ 21, người học phải là trung tâm của quá trình giáo dục.

Ba là: Người lao động ở thế kỷ 21 cần có những phẩm chất gì?

Tổ chức quốc tế BERI (Business Environment Risk Intelligence) đã đánh giá chất lượng lao động trên thế giới dựa trên những tiêu thức về phẩm chất người lao động cần phải có để ứng xử ở thế kỷ 21 theo thang 100 điểm và phân hạng như sau:

60 – 100 : Tay nghề cao, hiệu suất và hiệu quả gia tăng, thích ứng với thế kỷ 21.

55 – 65 : Tay nghề tương đối cao, có thể thích ứng với thế kỷ 21.

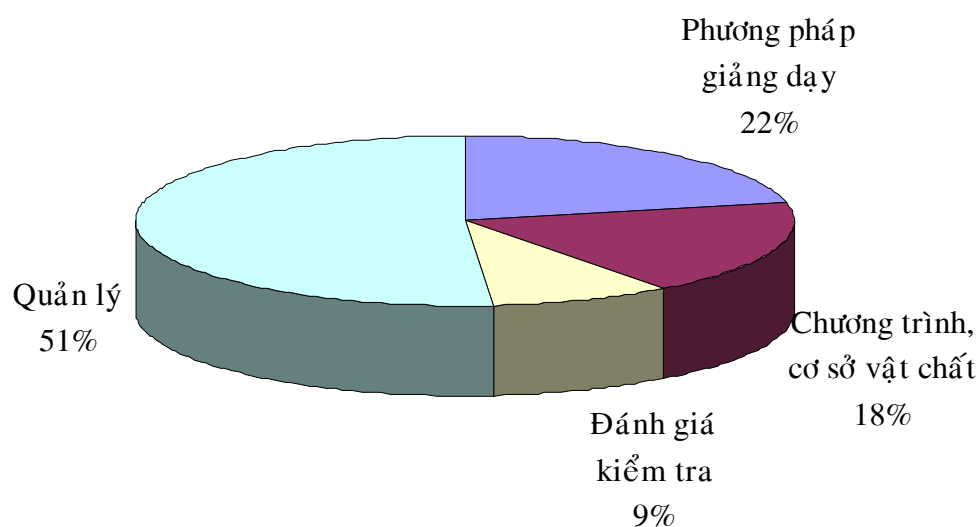
35 – 54 : Tay nghề dưới mức chuẩn, cường độ lao động cao. Thích ứng khó khăn với thế kỷ 21.

0 – 35 : Kỹ năng kém, năng suất thấp.

* Theo BERI, chất lượng lao động cao nhất của thế giới lúc này gần 90 điểm (Hoa Kỳ, Singapore, Nhật bản, Bỉ,...). Còn Việt nam chất lượng lao động vẫn chưa đạt 35 điểm. Đây là báo động nguy hiểm đối với giáo dục Việt Nam.

II. Vai trò của Quản lý giáo dục đại học

Điều tra về các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo các nhà quản lý tại một số trường ở TP. HCM cho kết quả như sau:



Nhiều nhà kinh tế thế giới cho rằng :

“80% sự thất thoát về kinh tế hầu như đều bắt nguồn từ đầu bút chì và đầu dây điện thoại” (Quy tắc Pareto 80:20)

Trong ngành chất lượng, khi áp dụng các tiêu chuẩn quản lý của thế giới, mọi người đều rút ra bài học quý báu rằng: *“Chất lượng bắt đầu từ phòng giám đốc (tức quản lý) và cũng thường chết tại đó”*

Mô hình quản lý của Bộ giáo dục và đào tạo, của các trường ở Việt Nam, trong đó có các trường đại học, có lẽ không mấy thay đổi từ hàng nửa thế kỷ nay, mang đậm nét cơ chế XIN – CHO và NHIỀU CỬA.

Để tham khảo, chúng tôi xin trình bày 5 giai đoạn phát triển của hệ thống quản lý giáo dục đại học dựa trên mô hình của EFQM như sau:

<p>GĐ 1 –HƯỚNG TỚI HOẠT ĐỘNG (Activity Oriented)</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐ Quản lý từng môn học/chuyên đề. ☐ Mục tiêu ngắn hạn cho từng môn học/chuyên đề <p>HƯỚNG TỚI NỘI BỘ CÁC BỘ MÔN / KHOA</p>	<p>HƯỚNG TỚI MÔN HỌC /CHUYÊN ĐỀ (Subject Oriented School)</p>
--	---

<p>GD 2 –HƯỚNG TỚI QUÁ TRÌNH (Process Oriented)</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐Kết nối các quá trình giảng dạy với nhau ☐Có tầm nhìn chung về nghề nghiệp và giáo dục ☐Áp dụng PDCA (Plan –Do – Check –Act) <p style="text-align: center;">HƯỚNG TỚI NỘI BỘ NHÀ TRƯỜNG</p>	<p>NHÀ TRƯỜNG GIẢNG DẠY (Teaching School)</p>
<p>GD 3 –HƯỚNG TỚI HỆ THỐNG (System Oriented)</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐Bước đầu hướng đến sinh viên, thị trường. ☐Đề ra các mục tiêu trung hạn. ☐Áp dụng PDCA khép kín <p style="text-align: center;">VĂN HƯỚNG TỚI NỘI BỘ NHÀ TRƯỜNG</p>	<p>NHÀ TRƯỜNG HỌC TẬP (Learning School)</p>
<p>GD 4 –HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG (Labour Market Oriented)</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐Trường là một mắt xích của các nhà cung ứng LĐ ☐Đề ra các mục tiêu trung hạn có tính chiến lược. ☐Hướng tới giáo dục thường xuyên, tính tự học. ☐Áp dụng PDCA mọi lúc, mọi nơi <p style="text-align: center;">HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG BÊN NGOÀI</p>	<p>NHÀ TRƯỜNG KẾT NỐI (Linking School)</p>
<p>GD 5 – QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TOÀN DIỆN -TQM (Total Quality Management)</p> <ul style="list-style-type: none"> ☐Hoàn toàn hướng vào thị trường lao động toàn cầu. ☐Có những mục tiêu dài hạn hay kịch bản đào tạo cho tương lai. ☐Rèn luyện tính hợp tác, tính sáng tạo vì cộng đồng ☐Đưa ra các nghề mới cho tương lai. ☐Áp dụng PDCA một cách thành thạo <p style="text-align: center;">HƯỚNG TỚI THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI</p>	<p>NHÀ TRƯỜNG MỞ (Open School –Scenarios for Future)</p>

Theo chúng tôi, mô hình Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) trong Đề án “Thực hiện chính sách ĐBCL khu vực trong giáo dục đại học Đông Nam Á” của SEAMEO tương đồng với giai đoạn 3 và một phần giai đoạn 4 của mô hình EFQM, tương đồng với mô hình ISO 9000:2000. Hiện đã có hơn 5000 cơ sở đào tạo trên thế giới áp dụng thành công ISO 9000:2000 vào quản lý giáo dục.

III. Quản lý Nhà nước về chất lượng giáo dục đại học

Cục Khảo Thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục đã được thành lập năm 2003. là tín hiệu đầu tiên đáng mừng của Bộ giáo dục và đào tạo VN trong việc hội nhập khu vực và thế giới. Tuy nhiên, chúng tôi có một số quan ngại về quản lý nhà nước của Bộ giáo dục và đào tạo thông qua hoạt động KĐCLGD để công nhận chất

lượng các trường đại học của Việt nam. Liệu có liên thông đào tạo và công nhận bằng cấp giữa các Trường của Việt Nam với các Trường của các nước nếu hệ thống tiêu chí kiểm định chất lượng của hai bên tương đồng với nhau?

Có lẽ, nên nhắc lại quan niệm Đảm bảo chất lượng (Quality Assurance) giáo dục đại học của SEAMEO: “Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) là việc áp dụng các quan điểm, chính sách, mục tiêu, các nguồn lực, các quá trình, các thủ tục và các công cụ vào quá trình giáo dục đào tạo để ĐẢM BẢO THỰC HIỆN ĐƯỢC SỨ MẠNG VÀ MỤC ĐÍCH đề ra nhằm tạo lòng tin đối với học viên, người sử dụng lao động và xã hội.”

KIỂM ĐỊNH CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG (Quality Accreditation) được SEAMEO đưa ra như sau:

"Kiểm định công nhận chất lượng là quá trình đánh giá bên ngoài về chất lượng và hiệu lực của các yếu tố /quá trình đào tạo (các yếu tố của hệ thống quản lý) trong việc thực hiện sứ mạng, mục tiêu của nhà trường; so sánh nhà trường với chuẩn mực chất lượng chung (của khu vực, của thế giới) để thừa nhận và công nhận về mặt chất lượng trong giáo dục đào tạo"

Kiểm định chất lượng để công nhận phải tuân thủ theo qui tắc ĐỘC LẬP, KHÁCH QUAN. Theo chúng tôi có lẽ kiểm định công nhận là quyền hạn quan trọng nhất trong các chức năng quản lý nhà nước của Bộ giáo dục và đào tạo đối với các vấn đề về chất lượng giáo dục.

Để đảm bảo tính độc lập, khách quan trong kiểm định công nhận chất lượng, chúng tôi nghĩ cần phải tôn trọng triệt để QUI TẮC BA BÊN trong chứng nhận (certification) và công nhận (accreditation).

Có người nghĩ rằng, Bộ giáo dục và đào tạo có thể vừa đánh giá vừa công nhận hệ thống ĐBCL của các Trường. Từ lâu nay chúng ta vẫn làm như vậy. Rõ ràng cách làm này thiếu tính độc lập, khách quan. Bộ chỉ đạo, quản lý các Trường, Bộ lại công nhận các Trường về chất lượng, như thế chẳng khác nào “*vừa đá bóng vừa thổi còi*”. Bộ giáo dục và đào tạo chỉ nên đưa ra các chuẩn mực đánh giá để BÊN THỨ HAI đánh giá, để các Trường tự đánh giá. Dựa trên kết quả đánh giá của các BÊN THỨ HAI và tự đánh giá của Trường, Bộ xem xét và quyết định công nhận (hay không công nhận) hệ thống ĐBCL của Trường đó.

ĐBCL là công việc của các Trường. Sự công nhận về hệ thống ĐBCL của các Trường là công việc của Bộ GD và ĐT hay của SEAMEO... Hai việc này có liên quan, nhưng độc lập về người thực hiện. Nếu cơ quan Bộ giáo dục và đào tạo hợp đồng tổ chức (tức tư vấn) để Trường thực hiện các hoạt động ĐBCL của Trường rồi sau đó cơ quan Bộ lại kiểm định công nhận; cách làm này chưa phù hợp với thông lệ quốc tế của ISO (International Organization for Standardization)

IV. Xu thế hội nhập quốc tế và thương mại hóa giáo dục đại học

Sự phát triển của nền kinh tế tri thức và toàn cầu hóa đã có tác động đến giáo dục đại học ở nhiều nước. Nhiều quốc gia đang tiến hành cải cách giáo dục đại học, đa chiến lược với giáo dục đại học vào trong chiến lược phát triển quốc gia. Khi nền kinh tế và xã hội càng phát triển, phức tạp và quốc tế hóa, giáo dục đại học càng phải đáp ứng các nhu cầu đa dạng hơn trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, và phát triển nguồn nhân lực.

Việt Nam đang xây dựng nền kinh tế thị trường hội nhập quốc tế, GDĐH đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng quá trình đó. Do vậy, cần có những chiến lược, chính sách phù hợp, sao cho vừa giữ được bản sắc văn hóa dân tộc (National Culture Identity) vừa đảm bảo GDĐH hoạt động linh hoạt, đa dạng hóa, đa phương hóa trên cơ sở vận dụng quy luật kinh tế thị trường vào quá trình quản lý giáo dục, có quan điểm đúng đắn về thương mại hóa giáo dục để tận dụng những ưu thế mà xu hướng này mang lại, giúp cho nền giáo dục Việt Nam nói chung, GDĐH nói riêng có được những bước chuyển biến mang tính đột phá mới mong rút ngắn khoảng cách tụt hậu với khu vực và thế giới. Hiện nay chúng ta đang dùng cụm từ “xã hội hóa giáo dục” thay cho cụm từ “thương mại hóa giáo dục” vì tư duy quản lý của ngành giáo dục còn nhiều quan ngại khi đề cập đến vấn đề này.

Việc liên kết đào tạo với các trường đại học tại các nước có nền giáo dục phát triển là một giải pháp tốt để theo kịp sự vận động phát triển vũ bão của GDĐH ở khu vực và thế giới. Qua sự liên kết này, GDĐH Việt Nam bắt buộc từ khâu tổ chức, quản lý, đào tạo, nhân lực phải cải cách đồng bộ với Trường đối tác trong một thời gian không dài. Đó là sự thúc bách rất đáng làm để tồn tại và hội nhập. ĐỔI MỚI không chỉ là “ĐỔI MỚI TƯ DUY” mà còn là “DO MORE” (Làm nhiều hơn nói).

Bài học đổi mới giáo dục đại học Việt Nam từ kinh nghiệm của Hoa Kỳ

VN đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa đòi hỏi VN phải có một tầng lớp dân trí và nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao. Nhận thức được điều này, các nhà lãnh đạo VN đã xác định: giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu. Với các chức năng cơ bản là nghiên cứu, đào tạo và phục vụ cộng đồng, các trường đại học có vai trò quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2010 đã đề ra các phương hướng cho giáo dục cao đẳng, đại học và sau đại học là:

Tiến hành đi mới mạnh mẽ chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa.... Đi mới chế độ thi cử, chế độ tuyển sinh; xây dựng phương pháp, quy trình và hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng giảng viên, chất lượng sinh viên một cách khách quan, chính xác...

Để đổi mới GDĐH chúng ta cần tham khảo kinh nghiệm quản lý và cải cách GDĐH ở các nước trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Hoa Kỳ là một quốc gia có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới hiện nay với một nền giáo dục đa dạng và hiệu quả với hơn 3.500 trường Đại học, hàng ngàn trường kỹ thuật hướng nghiệp và ngoại ngữ với gần 1/2 triệu sinh viên quốc tế ghi danh theo học hàng năm, chiếm từ 20-40% tổng số sinh viên ghi danh toàn liên bang. Trong vòng hơn 20 năm qua đã có hơn 580.000 lưu học sinh Trung quốc theo học các trường Đại học Hoa Kỳ, nhiều người trong số họ đã trở thành chuyên gia trình độ cao trong những ngành khoa học, công nghệ mũi nhọn. Chuẩn hóa chương trình và giáo trình được xây dựng theo định hướng thị trường, phục vụ kinh tế xã hội. Trên 80% sinh viên tốt nghiệp các trường Đại học Hoa Kỳ có đủ kiến thức và kỹ năng làm việc trong các ngành công nghiệp hiện đại cũng như các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ tiên tiến khác.

Định hướng chính sách phát triển giáo dục Hoa Kỳ hướng đến thế kỷ XXI đặc biệt quan tâm đến yêu cầu xây dựng nền GDĐH trên nền tảng công nghệ thông tin, xã hội tri thức để đáp ứng và đón đầu sự phát triển của nền kinh tế Mỹ trong thế kỷ XXI. GDĐH đã đào tạo nguồn nhân lực cao đáng kể, góp phần phát triển nền kinh tế Hoa Kỳ qua nhiều thời kỳ để trở thành cường quốc số 1 thế giới về tiềm lực kinh tế - khoa học công nghệ. *Nguyên nhân của thành công này không phải nằm ở hệ thống giáo dục mà nằm ở hệ thống quản lý giáo dục.* Bộ Giáo dục chỉ chịu trách nhiệm về các chương trình đặc biệt như nhóm dân tộc thiểu số, giáo dục cho người tàn tật, còn thực tế việc quản lý hệ thống giáo dục thuộc quyền của chính quyền địa phương và các bang.. Trong 50 bang thì chỉ duy nhất có Bang Hawaii trực tiếp quản lý các trường tiểu học và trung học. Mạng lưới giáo dục của 49 bang còn lại được giao cho các cơ quan giáo dục quận (School District). Mô hình quản lý phi tập trung hóa đã giúp cho giáo dục Hoa Kỳ giảm ngân sách khá lớn vì không phải nuôi bộ máy hành chính công kênh. Hệ thống giáo dục phi tập trung hóa này chính là đặc

điểm sức mạnh của nền giáo dục Hoa Kỳ. Quản lý GDĐH ở các trường đại học Hoa Kỳ theo hướng tăng quyền tự chủ, có tính độc lập và tự chịu trách nhiệm cao theo cơ chế quản lý phi tập trung hóa.

Tham khảo quá trình quản lý GDĐH Hoa Kỳ vừa giúp chúng ta khẳng định phương hướng đổi mới mà Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010 đề ra, vừa cho chúng ta một số gợi ý trong việc thực hiện những nội dung đổi mới.

Mức dù Việt nam có những điểm khác với Hoa Kỳ về trình độ phát triển, và tính nhân văn trong giáo dục, chúng ta cần nghiên cứu toàn bộ cấu trúc GDĐH của Hoa Kỳ, từ đó tìm ra mức độ tương ứng với Việt Nam để áp dụng trong quá trình đổi mới GDĐH, nhanh chóng vượt qua những thách thức của quá trình hội nhập. Việt nam có thể tham khảo từ Hoa Kỳ một số kinh nghiệm sau:

1. Mỗi trường đại học cần lựa chọn hướng phát triển ưu tiên như đào tạo sau đại học hay đào tạo đại học, nghiên cứu cơ bản hay nghiên cứu ứng dụng để khẳng định vị thế của mình.

2. Theo xu hướng quốc tế hóa, tăng cường hợp tác quốc tế với các trường đại học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học theo tiêu chuẩn khu vực (SEAMEO, EFQM) tiến tới tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9000, TQM).

3. Các trường đại học, nhất là các trường đại học trọng điểm cần đẩy mạnh tăng cường quy định tự chủ và trách nhiệm xã hội trong các hoạt động của mình, trên cơ sở tăng cường hoạt động tự đánh giá, và đánh giá, kiểm định của các cơ quan chuyên môn.

4. Hoàn thiện giáo dục đại học nhằm tạo điều kiện chuẩn bị nguồn nhân lực ở trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động trong và ngoài nước (xuất khẩu lao động, chuyên gia...).

5. Áp dụng thành công các Mô hình Đảm bảo Chất lượng (ISO 9000:2000) hướng đến Quản lý Chất lượng Toàn diện (TQM) trong quản lý giáo dục ở các trường đại học.

6. Tăng cường hoạt động đánh giá nội bộ, đánh giá bên

ngoài, kiểm định các cơ sở giáo dục đại học phù hợp với thông lệ quốc tế.

7. Nghiên cứu Mụ hình Quản lý Phi tập trung và Định hướng Thị trường của Giáo dục Đại học Hoa Kỳ: Cả hai nội dung này có mối liên quan mật thiết và không thể tách rời trong cải cách GDDH hiện nay của Hoa Kỳ Đó cũng chính là đặc điểm sức mạnh của nền giáo dục Hoa Kỳ. Trọng tâm của cải cách GDDH VN đყc đăt vào nội dung cải cách quản lý. Nội dung này đყc thực hiƯn qua viƯc chuyển các trường đại học quốc lập thành các pháp nhân sự nghiệp độc lập, phát triển các trường đại học tư nhân hoạt động theo quy luật kinh tế thị trường và đa viƯc đánh giá các trường đại học bởi một tỉ chức đánh giá thứ hai và việc công nhận bởi tổ chức thứ ba theo quy tắc ba bên.

8. Bốn xu thế toàn cầu chủ yếu trong GDDH sẽ tác động tới quá trình đổi mới quản lý GDDH ở Việt Nam đó là: Đại chúng hóa, Tự do hóa, Quốc tế hóa và Hiện đại hóa. Trong đó Quốc tế hóa GDDH ngày càng tăng đã phản ánh bản chất toàn cầu của học tập và nghiên cứu. Sự quốc tế hóa này đi theo hướng tri thức phổ quát và nhận thức lớn hơn về các vấn đề giao lưu văn hóa. Các biện pháp để đáp ứng tính phổ quát của GDDH là học bổng cho giảng viên/sinh viên, liên kết đào tạo và nghiên cứu khoa học trong khu vực và quốc tế, tăng cường cơ chế hợp tác để công nhận quốc tế các khóa học và bằng cấp. Việc xây dựng các liên kết quốc tế sẽ đảm bảo rằng sứ mạng chung của GDDH sẽ trường tồn và phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu cũng như nâng cao chất lượng GDDH. Trong các nền kinh tế có giáo dục kém phát triển, những liên kết quốc tế với các trường Đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới có thể giúp đẩy nhanh quá trình nâng cấp GDDH và tăng cường các nỗ lực để được chấp nhận trên trường quốc tế. Đổi mới chất lượng quản lý Giáo dục Đại học Việt Nam thông qua liên kết đào tạo và nghiên cứu với các trường đại học danh tiếng ở Hoa Kỳ có thể xem là giải pháp đột phá để hội nhập giáo dục khu vực và toàn cầu. Thông qua việc liên kết với các trường Đại học tiên tiến Hoa Kỳ qua các hình thức trao đổi học giả, giảng viên, sinh viên (như Chương trình Fulbright...) cũng sẽ giúp nhu cầu trao đổi văn hóa giữa công dân hai nước tăng lên mạnh mẽ, góp phần cải thiện quan hệ chính trị - kinh tế - xã hội của hai quốc gia trên tinh thần tăng cường đối thoại và hiểu biết lẫn nhau vì lợi ích của nhân

dân Việt Nam và Hoa Kỳ trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2002.
2. Lâm Quang Thiệp, *Một số giải pháp nhằm bảo đảm chất lượng hệ thống giáo dục đại học*, ĐH và GDCN số 3 – 1998, Hà Nội 1998
3. Phạm Thành Nghị, *Quản lý chất lượng giáo dục đại học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội 2000
4. Nguyễn Quang Toàn, *ISO 9000 & TQM – Thiết lập hệ thống quản lý tập trung vào chất lượng và hướng vào khách hàng*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, tái bản lần thứ 8, TP.HCM 2001
5. Nguyễn Đức Chính (Chủ biên), *Kiểm định chất lượng trong giáo dục Đại học*, Nxb ĐHQG Hà Nội, Hà Nội 2002
6. Khoa Kinh tế Đại học Quốc gia TP.HCM, *Hội thảo Khoa học Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, TP.HCM 2002
7. Trung tâm Thông tin Thương mại và Câu lạc bộ ISO Việt Nam, *Kỷ yếu ISO Việt Nam 2002-2003* - Nxb Thống kê, Hà Nội 2003
8. Vũ Ngọc Hải, Trần Khánh Đức (đồng chủ biên), *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2003
9. Bộ Giáo dục – đào tạo, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới giáo dục đại học Việt nam Hội nhập và Thách thức*, Hà Nội 3/ 2004
10. Wouter Van den Berghe, *Application of ISO 9000 Standards to Education and Training*, Brussels - Luxembourg 1997
11. ISO, *International Standard ISO 9001 - Quality Management Systems - Requirements*, Switzerland 2000
12. Martin Trow - *From Mass Higher Education to Universal Access: The American Advantage* - in "Defense of American Higher Education", The Johns Hopkins University Press, 2001